

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/DS-PT
Ngày: 05/9/2018
V/v tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn
Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Danh L, sinh năm 1960 và bà Thị H, sinh năm 1948 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Danh L: bà Thị H, sinh năm 1948 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2015).

Cùng địa chỉ: ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thị H: ông Trần Minh H - Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Phạm Hoàng A, sinh năm 1980 và bà Thị C, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1945 (có mặt).
 2. Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1951 (có mặt).
 3. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
4. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C

- *Người làm chứng*: ông Danh D, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: ông Danh L, bà Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Thị H trình bày*: Vợ chồng bà có 14 công đất tầm 3m (tương đương $18.144m^2$) tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất này được cha chồng là ông Danh S cho vào trước năm 1980. Vợ chồng bà canh tác đến năm 1996 thì chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Huỳnh Văn N tổng cộng là 11,5 công tầm 3m (tương đương $14.904m^2$). Trong đó, ông Huỳnh Văn N chuyển nhượng 02 công, phần còn lại ông Đ chuyển nhượng nhưng giấy tờ thì ông Đ để cho ông N đứng tên chuyển nhượng toàn bộ, giá chuyển nhượng là 55 chỉ 04 phân vàng 24kr. Vợ chồng bà chỉ chuyển nhượng đất cho ông N và ông Đ một lần đúng như nội dung tờ chuyển nhượng đất ngày 29/02/1996 do bên bị đơn cung cấp.

Thời điểm này đo đất bằng tầm 3m, vợ chồng bà cùng ông Đ đo đất xong mới làm hợp đồng chuyển nhượng và vợ chồng bà đã nhận đủ số vàng chuyển nhượng đất là 55 chỉ 04 phân vàng 24kr. Phần đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Đ đầu hậu giáp Kênh Cơi 6, đầu ngoài giáp đất ông Danh S, một bên giáp đất của ông T, một bên giáp đất ông Phước. Phần 02 công của ông N thì giáp đất ông Danh S. Phần đất vườn thì ông Danh S chuyển nhượng cho ông Đ nhưng giấy tờ thì vợ chồng bà là người chuyển nhượng cho ông Đ.

Phần đất ruộng của vợ chồng bà khi chuyển nhượng cho ông Đ và ông N thì có bờ, mương xung quanh khoảng 3,1m. Trong đó, mương khoảng 1,6m, bờ 1,5m. Khi ông Đ và ông N chuyển nhượng đất của vợ chồng bà thì chừa bờ và mương xung quanh không chuyển nhượng, chỉ chuyển nhượng phần đất nạt bên trong. Tuy nhiên, khi chuyển nhượng đất cho ông Đ và ông N xong thì vợ chồng bà đã giao toàn bộ diện tích đất ruộng cho ông N và ông Đ sử dụng và đã giao các giấy tờ có liên quan. Đến năm 2000 thì vợ chồng bà đi vùng kinh tế mới tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang để làm ăn nhưng không hiệu quả nên năm 2010 về lại địa pH ấp Kinh Làng sinh sống đến nay. Bà không biết năm nào thì ông Đ và ông N đã chuyển nhượng phần đất này lại cho vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C nhưng bà thấy vợ chồng Phạm Hoàng A sử dụng đã lâu rồi. Đến năm 2014, vợ chồng Phạm Hoàng A có đến gặp vợ chồng bà mượn Sổ hộ khẩu và Giấy chứng minh nhân dân của vợ chồng bà để làm thủ tục tách tên quyền sử dụng đất cho vợ

chồng Hoàng Anh, Thị C và bà đã cho vợ chồng Hoàng Anh mượn các giấy tờ để làm thủ tục sang tên. Khi mượn giấy tờ thì bà Thị C có nói làm giấy xong cho bà 06 chỉ vàng 24kr nhưng đến nay Thị C vẫn chưa cho bà số vàng đã hứa.

Đối với tờ nhượng đất ngày 02/4/1996 với nội dung vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N 02 công đất với số vàng là 08 chỉ vàng 24kr là không đúng. Tờ chuyển nhượng này vợ chồng bà không ký tên và con bà là Danh L cũng không ký tên vì con bà thời điểm này đã chết rồi.

Nay bà yêu cầu vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C trả lại cho bà phần đất mượn, bờ xung quanh thửa số 58 do vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C đang sử dụng là 3.001m² tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo biên bản đo đạc ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện A.

- *Nguyên đơn ông Danh L trình bày:* vào năm 1996 vợ chồng ông có chuyển nhượng quyền sử dụng đất lúa cho ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Huỳnh Văn N, khi chuyển nhượng đất thì ông là người trực tiếp đo đất cho ông Đ và ông N bằng tầm 3m. Khi đo đất thì đất ông có một số lỗ bom, lung bào ông Đ không mua nên có trừ ra, tuy nhiên khi giao đất thì ông giao toàn bộ diện tích đất lúa cho ông Đ và ông N sử dụng. Giá chuyển nhượng là 55 chỉ 04 phân 05 ly vàng 24kr như tờ chuyển nhượng ngày 29/2/1996. Nay ông thống nhất với yêu cầu của vợ ông là yêu cầu vợ chồng Hoàng Anh, Thị C trả lại cho vợ chồng ông diện tích 3.001m² theo đo đạc để vợ chồng ông sử dụng.

- *Bị đơn anh Phạm Hoàng A trình bày:* vào năm 2000, vợ chồng anh có chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc Đ là cật ruột anh với diện tích đất là 14 công tầm 3m, loại đất lúa và hơn một công đất vườn, đất tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, chuyển nhượng với giá là 65 chỉ 08 phân vàng 24kr. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy viết tay với nhau đề ngày 01/3/2000, vợ chồng anh đã giao vàng và nhận đất canh tác từ năm 2000 đến nay. Thời điểm này đất còn do ông Danh L chồng bà H đứng tên quyền sử dụng đất, ông Đ đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh quản lý. Vợ chồng anh canh tác đến năm 2014 thì làm thủ tục tách tên quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Danh L, Thị H sang cho vợ chồng anh. Khi làm thủ tục sang tên vợ chồng anh có nhờ vợ chồng bà H ký tên hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng anh và cho vợ chồng anh mượn Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân để làm thủ tục. Sau đó, vợ chồng anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất ruộng ông Đ chuyển nhượng cho vợ chồng anh là của ông Đ và ông N chuyển nhượng của vợ chồng bà H vào năm 1996. Sau đó ông N chuyển nhượng lại cho ông Đ và ông Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng anh vào năm 2000. Nay anh không đồng ý trả đất theo yêu cầu của vợ chồng bà H, ông L.

- *Bị đơn chị Thị C trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng chị là Phạm Hoàng A. Ngoài ra, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm. Đối với lời trình bày của bà H cho rằng chị hứa cho bà H 06 chỉ vàng khi làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất là không có, bà có nói sau này sẽ đãi một châu cà phê.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng H trình bày:*
Bà là mẹ ruột của Phạm Hoàng A, còn Nguyễn Ngọc Đ là em ruột của bà. Ông Nguyễn Ngọc Đ thường trú ở tỉnh Cà Mau, vào năm 1996 ông có nhờ bà kiếm đất ruộng gần bà để ông mua làm ruộng, bà biết được vợ chồng bà H bán đất ruộng nên nói với ông Đ. Ông Đ có mua của bà H, ông L 11,5 công ruộng tầm 3m và mua của ông Danh S một công đất vườn. Trong diện tích đất ruộng của bà H, ông L thời điểm này đang cố cho vợ chồng bà Thị B 02 công ruộng, phần đất này giáp với đất chuyển nhượng của ông Danh S và giáp đất ruộng của bà H nên hai bên có thỏa thuận là bà H chuộc lại 02 công này để bán cho ông N luôn. Sau đó, bà H đã chuộc lại 02 công này bán cho ông Nguyễn Văn N với giá là 08 chỉ vàng 24kr. Như vậy, thời điểm này bà H, ông L đã bán toàn bộ đất ruộng cho ông Đ và ông N. Ông N làm được 02 năm thì bán lại cho ông Đ, ông Đ canh tác đến năm 2000 thì bán toàn bộ đất ruộng và vườn lại cho vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C. Vợ chồng Hoàng Anh sử dụng đến năm 2014 thì làm thủ tục tách tên quyền sử dụng đất từ vợ chồng bà H theo hình thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà H đã cho mượn giấy tờ và ký tên chuyển nhượng.

Nay vợ chồng bà H yêu cầu đòi lại diện tích đất hơn 3.000m² là không đúng thực tế. Vì trước đây bà đã bán toàn bộ diện tích đất ruộng cho ông Đ và ông N rồi, khi bán không có chừa mương, bờ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:*
Ông là cậu ruột của Phạm Hoàng A và Huỳnh Văn N. Trước đây ông có được ít tiền nên có nhờ cháu Huỳnh Văn N và chị Nguyễn Hồng H tìm xem ở Kiên Giang có ai bán đất ông mua để sản xuất lúa. Vào tháng 2 năm 1996, ông có mua của bà Thị H, ông Danh L khoảng khoảng 11,5 công tầm 3m đất ruộng và 01 công đất vườn, tọa lạc tại ấp Kênh L, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Do ông không có hộ khẩu ở tỉnh Kiên Giang, sợ rằng mua đất không phù hợp với chủ trương Nhà nước lúc bấy giờ nên ông đã nhờ Huỳnh Văn N đứng tên làm hợp đồng chuyển nhượng đất với vợ chồng bà H, ông L ngày 29/2/1996. Tờ chuyển nhượng đất này do Phạm Hoàng A viết dùm, có nhờ người lân cận chứng kiến, sau đó, nhờ ban lãnh đạo ấp xác nhận. Giá thời điểm này ông mua mỗi công đất ruộng là 4,2 chỉ vàng kr, còn đất vườn là 07 chỉ vàng. Tổng cộng là 55 chỉ 03 phân vàng 24k, nhưng do đặc đất ruộng có dư một ít nên vợ chồng bà H xin thêm 01 phân vàng nên tổng số vàng là 55 chỉ 04 phân. Khi chuyển nhượng phần đất ruộng của ông L, bà H còn lại 02 công nằm trong chu vi đất chuyển nhượng cho ông nhưng đang cố cho bà Thị B, ông Danh S nên khoảng 01 tháng sau thì vợ chồng bà H, ông L chuộc lại và bán cho cháu Huỳnh Văn N. Cháu N làm được 02 năm thì bán lại cho ông. Vào năm 2000, ông thấy việc canh tác đất khó khăn nên đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ruộng và vườn này hơn 14,5 công tầm 3m cho cháu Hoàng A với số vàng là 65 chỉ, 08 phân vàng 24kr.

Trước đây vợ chồng ông L, bà H chuyển nhượng đất cho ông và anh N là chuyển nhượng toàn bộ chứ không chừa mương, bờ. Phần đất mặt tiền thì giáp Kênh Sáng Cơi 5, mặt hậu giáp Kênh Cơi 6. Việc ông L, bà H cho rằng khi chuyển nhượng cho ông và anh N chừa lại đất bờ và mương là hoàn toàn sai sự thật. Nay ông L, bà H yêu cầu vợ chồng Phạm Hoàng A trả lại phần đất mương bờ xung

quanh hơn 3.000m² là đều vô lý nên ông yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn N trình bày:*
Ông là anh em bạn dì ruột với Phạm Hoàng A, đối với ông Nguyễn Ngọc Đ là cậu ruột anh. Vào năm 1996, ông Nguyễn Ngọc Đ có nhờ anh đứng tên giùm để chuyển nhượng đất của bà H, ông L với diện tích 11,5 công ruộng, hơn một công vườn với giá là 55 chỉ 04 phân vàng 24k. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy viết tay do Phạm Hoàng A viết giùm. Khi giao đất và giao vàng thì ông L, bà H thực hiện với ông Đ. Thời điểm này bà H còn 02 công đất đang cố cho bà Thị B nên bà chuộc lại và sau đó đến ngày 2/4/1996 ông L, bà H chuyển nhượng cho anh 02 công ruộng nằm trong chu vi đất chuyển nhượng cho ông Đ với giá là 08 chỉ vàng 24kr, anh làm được 02 năm thì bán 02 công này lại cho ông Đ với giá là 07 chỉ vàng 24kr. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tờ và ông L, bà H có ký tên và cha ông L là ông Sang cùng ký tên.

Thời điểm anh và ông Đ chuyển nhượng đất của ông L, bà H là chuyển nhượng toàn bộ chu vi chứ không chừa mương, bờ gì. Việc tranh chấp đất giữa vợ chồng bà H, ông L với vợ chồng Hoàng A là hoàn toàn sai. Vì đất này, ông bà đã bán hết cho anh và ông Đ vào năm 1996, sau này ông Đ bán lại cho Hoàng A thì Hoàng A được toàn quyền sử dụng.

** Tại bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh L, bà Thị H về việc yêu cầu vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C trả lại diện tích đất 3.001m² (nằm trong diện tích 21.065m²) loại đất lúa, tại thửa 58, tờ bản đồ 6-1, tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 25/3/2018 ông Danh L, bà Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A và chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của vợ chồng bà.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thị H: yêu cầu Hội đồng xét xử buộc vợ chồng anh Phạm Hoàng A, chị Thị C trả lại diện tích đất mương, bờ là 3.001m² tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Phía bị đơn anh Phạm Hoàng A, chị Thị C không đồng ý yêu cầu của bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thị H, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh L, bà Thị H và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất hai bên tranh chấp có diện tích là 3001m² nằm trong diện tích đất 21.065m² tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6-1, tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc đất trước đây là của ông Danh S là cha ông Danh L cho vợ chồng ông Danh L trước thời điểm năm 1980 và sau này được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Vào thời điểm năm 1994, ông Danh S cùng với vợ chồng ông L, bà H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông L, bà H cho ông Võ Văn T 12 công tằm 3m tương đương 18.045m² loại đất trồng lúa tại thửa 57, tờ bản đồ 6-1 tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Bà H, ông L cho rằng bà đổi phần đất này cho ông Danh S để ông Danh S bán cho ông T nhưng giấy tờ thì vợ chồng ông bà đứng tên chuyển nhượng cho ông T. Đối với phần đất ruộng của ông Danh S 18.630m² loại đất trồng lúa tại thửa 57, tờ bản đồ 6-1 thì đổi lại cho vợ chồng ông L, bà H sử dụng. Vào thời điểm năm 1996, bà H và ông L chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 18.630m² loại đất trồng lúa tại thửa 57, tờ bản đồ 6-1 cho ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Huỳnh Văn N, khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy viết tay với nhau. Sau khi ông L, bà H đo đạc giao đất xong thì ông Đ và ông N đã giao đủ tiền cho vợ chồng bà và nhận đất sử dụng ổn định. Ngoài ra, cùng thời điểm này ông Đ còn nhận chuyển nhượng của ông Danh S phần đất ở nông thôn và vườn tại thửa 19 với diện tích 1.043m². Ông Đ sử dụng đất đến ngày 01 tháng 3 năm 2000 thì chuyển nhượng toàn bộ lại cho vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C. Vợ chồng Hoàng Anh sử dụng ổn định đến năm 2009 thì chuyển nhượng thêm của ông T 02 công đất ruộng tằm 3m tương đương 2.592m². Việc chuyển nhượng qua nhiều người nhưng chưa sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2014, vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C có nhờ vợ chồng ông Danh L, bà Thị H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Phạm Hoàng A. Việc làm thủ tục chuyển nhượng đất từ ông L, bà H cho vợ chồng anh Phạm Hoàng A là để hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho Phạm Hoàng A, Thị C đứng tên nhưng thực tế phần đất này ông L, bà H chuyển nhượng hết cho ông Đ và ông N từ năm 1996, ông Đ chuyển nhượng lại cho Phạm Hoàng A, Thị C từ năm 2000. Khi đo đạc làm thủ tục, vợ chồng Phạm Hoàng A có mượn Sổ hộ khẩu và Giấy chứng minh nhân dân của vợ chồng ông L, bà H và ông L, bà H cho mượn và ký tên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Phạm Hoàng A, Thị C ngày 10/4/2014. Như vậy, vợ chồng ông L, bà H đã thừa nhận việc chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông N và ông Đ đồng thời cũng đồng ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C. Hiện nay đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/5/2014

với diện tích 21.065m² (bao gồm cả phần đất chuyển nhượng của ông T 2.592m²) cho vợ chồng Phạm Hoàng A.

Nay ông L, bà Thị H cho rằng khi bán đất ruộng cho ông Đ và ông N thì chỉ bán đất nạt còn nương và bờ xung quanh phần đất ruộng có tổng diện tích 3.001m² là không bán nên yêu cầu anh Hoàng Anh, bà Thị C trả lại diện tích đất nương bờ này là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa ông L, bà H xác nhận khi bán đất cho ông N và ông Đ thì ông L, bà H là người trực tiếp đo đất cho Huỳnh Văn N và Nguyễn Ngọc Đ thì không có chừa nương bờ nhưng phần đất ruộng có một số hố bom khi đó thì trừ ra không tính trong diện tích nhưng giao đất thì giao toàn bộ cả đất có vũng hố bom và trong giấy chuyển nhượng viết tay giữa ông L, bà H cho Huỳnh Văn N vào năm 1996 cũng không thể hiện chừa nương bờ. Từ khi ông L, bà H chuyển nhượng đất cho ông N và ông Đ thì ông N và ông Đ sử dụng ổn định phần đất này không ai tranh chấp, vào năm 2000, ông Đ chuyển nhượng lại cho Phạm Hoàng A, Thị C và sử dụng ổn định đến khi được đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2014 thì bà H và ông L cũng không có ý kiến gì. Như vậy, không có chứng cứ nào thể hiện khi ông L, bà H chuyển nhượng đất cho ông N và ông Đ còn chừa lại diện tích nương bờ là 3.001m². Hơn nữa, tại phiên tòa ông L, bà H thừa nhận vào năm 2000 vợ chồng bà không còn đất nên được Nhà nước xét duyệt cấp cho vợ chồng bà 02 ha đất nông nghiệp tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, vợ chồng bà lên huyện Kiên Lương nhận đất canh tác đến 2010 thì chuyển nhượng 02 ha đất này cho người khác và về địa phương ấp Kinh Làng sinh sống đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông L cho rằng chữ ký trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2014 không phải của ông bà nên yêu cầu giám định chữ ký. Tại Bản kết luận giám định số 424/KL-KTHS ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ ký trong hợp đồng là của bà Thị H. Đối với chữ ký mang tên Danh L trên các tài liệu so với mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không. Để đủ cơ sở kết luận phải thu thêm mẫu chữ ký của ông Danh L. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giám định tiếp nên căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Danh L, bà Thị H là có căn cứ.

Tuy nhiên, bà H có đơn xin miễn án phí, đồng thời bà H thuộc diện hộ nghèo, là dân tộc thiểu số và là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của ông Danh L, bà Thị H và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[2] Về án phí phúc thẩm: ông L, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông L, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh L, bà Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh L, bà Thị H về việc yêu cầu vợ chồng Phạm Hoàng A, Thị C trả lại diện tích đất 3.001m² (nằm trong diện tích 21.065m²) loại đất lúa, tại thửa 58, tờ bản đồ 6-1, tọa lạc tại ấp Kinh L, xã Đông T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Danh L, bà Thị H.

- Án phí sơ thẩm: hoàn trả tiền tạm ứng án phí ông L, bà H đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07544 ngày 27/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí phúc thẩm: hoàn trả tiền tạm ứng án phí ông Danh L, bà Thị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001446 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Về chi phí giám định: ông Danh L, bà Thị H phải chịu là 5.425.000 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ông L, bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi